



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 173/QĐ-SNN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

TT. KHUYẾN NÔNG Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025

ĐẾN Số: 353
Ngày: 06/5/21

Chuyển:.....

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể, thiết thực triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính.

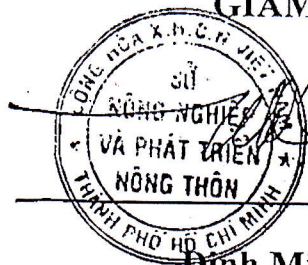
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, thủ trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng UBND TP;
- Sở Nội vụ;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN Sở;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Ban Quản lý DACNN-PTNT;
- Lưu: VT (VP-ĐMK). 2/

GIÁM ĐỐC



Đinh Minh Hiệp



KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao
Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-SNN ngày 5 tháng 5 năm 2021
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

- Tập trung xây dựng, triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính (viết tắt CCHC) giai đoạn 2021 - 2025 của Thành phố và ngành.

- Trên cơ sở kết quả Chỉ số CCHC (PAR Index) của ngành theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được Ủy ban nhân dân Thành phố công bố hàng năm, thủ trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch để khắc phục các điểm còn tồn tại, hạn chế.

- Xác định rõ trách nhiệm của phòng ban, đơn vị và người đứng đầu, công chức, viên chức trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC và đề ra các giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC của ngành.

- Định lượng hiệu quả công tác CCHC, sự phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức của ngành đối với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Thực hiện chủ đề công tác CCHC hàng năm của ngành gắn với chủ đề công tác CCHC hàng năm của Thành phố và phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

II. CHỈ TIÊU

1. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính.

- Phấn đấu Chỉ số CCHC của ngành hàng năm đạt từ loại tốt trở lên.

- Có 90% đơn vị trực thuộc được đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm đạt từ loại tốt trở lên.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy các phòng ban, đơn vị trực thuộc phù hợp với đặc điểm của Thành phố; gắn công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính với tham mưu phân cấp, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử; đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy trong từng nội bộ phòng ban, đơn vị trực thuộc.

3. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của ngành.

4. Mức độ hài lòng người dân, doanh nghiệp về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (viết tắt TTHC) hàng năm đạt 95% trở lên.

5. Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn đạt 100% trong từng lĩnh vực, trong đó có trên 80% hồ sơ TTHC giải quyết trước hạn.

6. Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Trên 60% TTHC của ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố có đủ điều kiện, phát sinh hồ sơ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Trên 60% TTHC của ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh và Cơ quan chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, thủy sản cấp tỉnh có đủ điều kiện, phát sinh hồ sơ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

7. Xây dựng môi trường làm việc điện tử.

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các phòng ban, đơn vị và giữa các cơ quan hành chính Nhà nước được thực hiện trên mạng điện tử trừ các văn bản thực hiện theo chế độ “mật”.

- 100% các báo cáo của ngành gửi Trung ương và Thành phố đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định.

- Phân đầu đến năm 2025, 100% đơn vị ứng dụng thực hiện thanh toán điện tử phí, lệ phí trong giải quyết hồ sơ TTHC (nếu có).

8. Tổ chức kiểm tra công tác CCHC định kỳ và đột xuất tối thiểu đạt 60% đơn vị trực thuộc. Kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành công tác CCHC và thực hiện quy tắc ứng xử. Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp của công chức, viên chức trong thi hành công vụ.

9. 100% chi cục có thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC đạt chuẩn về trang thiết bị và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (gọi tắt Bộ phận một cửa) đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

10. 100% phòng ban, đơn vị trực thuộc có sáng kiến, giải pháp về thực hiện công tác CCHC, cải cách TTHC đạt hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM .

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền và nâng cao năng lực công chức, viên chức thực hiện công tác CCHC, nâng cao Chỉ số CCHC

- Công tác tuyên truyền phải được thực hiện một cách chủ động và duy trì thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức, thái độ tích cực của đội ngũ công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ được giao, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần và tình hình chấm điểm, kết quả Chỉ số CCHC của ngành và kết quả đánh giá Chỉ số CCHC của các đơn vị để quán triệt đến đội ngũ công chức, viên chức. Đồng thời thực hiện các giải pháp

khắc phục các mặt còn yếu kém, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ; đặc biệt trong công tác cải cách TTHC, đơn giản hồ sơ, giảm phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, khảo sát, trao đổi, học tập kinh nghiệm để nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ công chức, viên chức làm công tác CCHC tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Đầu tư đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền công tác CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phòng ban, đơn vị; của công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành và truyền thông CCHC

- Kiện toàn nhân sự và nâng cao chất lượng tham mưu công tác CCHC tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện đầy đủ và đúng các quy định trên các lĩnh vực theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

- Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, kế hoạch kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác CCHC; đánh giá và đề ra giải pháp để cải thiện, khắc phục những nội dung còn tồn tại, hạn chế.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ theo đúng thời gian quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Thực hiện hiệu quả việc tiếp nhận và xử lý các nội dung, nhiệm vụ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

- Thực hiện thi đua, khen thưởng đối với các đề xuất giải pháp, sáng kiến, cách làm mới trong công tác CCHC mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực.

- Thực hiện Đề án đo lường sự hài lòng của Thành phố để đánh giá định lượng hiệu quả hoạt động CCHC tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện hiệu quả Đề án truyền thông về công tác CCHC của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tuyên truyền CCHC theo ngành, lĩnh vực một cách thiết thực, phong phú, đa dạng bằng nhiều hình thức; gắn kết quả công tác CCHC với công tác thi đua, khen thưởng.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động CCHC, sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm quản lý công tác CCHC của Thành phố.

- Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm tại các địa phương, đơn vị trong và ngoài Thành phố nhằm tìm ra các giải pháp, mô hình mới, cách làm hay để tham mưu, áp dụng vào thực tiễn của ngành.

- Thực hiện bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC của Thành phố đối với ngành; xây dựng và thực hiện tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC các đơn vị trực thuộc hợp lý, khoa học, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC của từng lĩnh vực, từng giai đoạn. Từng đơn vị phải chủ

động rà soát, đánh giá điểm mạnh, yếu và có giải pháp khắc phục cụ thể theo từng giai đoạn, định kỳ đôn đốc, kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc khắc phục, thực hiện.

3. Công tác cải cách thể chế hành chính

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác pháp chế; công tác tham mưu xây dựng, góp ý, đánh giá, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, chú trọng việc thực hiện đánh giá tác động chính sách, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật của ngành thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của ngành đồng bộ, hiệu quả; thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo, đảm bảo đúng tiến độ và thời gian quy định.

- Thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực cho các đơn vị trực thuộc; tiếp tục kiến nghị các cấp có thẩm quyền về các cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện thí điểm giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn quản lý của ngành mà pháp luật chưa quy định cụ thể.

- Thực hiện kiểm tra, xử lý văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật; rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố, Trung ương liên quan ngành để kịp thời phát hiện, tham mưu các cấp xử lý văn bản không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo với những quy định của pháp luật và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

4. Công tác cải cách thủ tục hành chính

- Kiện toàn nhân sự và nâng cao chất lượng tham mưu công tác kiểm soát TTHC của cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC tại các phòng ban, chi cục.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu tại các phòng ban, chi cục trong công tác cải cách TTHC và giải quyết TTHC; kết quả thực hiện là cơ sở xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu phòng ban, chi cục.

- Kiểm soát việc quy định, hướng dẫn TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp thực hiện lấy ý kiến về TTHC đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định TTHC.

- Tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa, chuẩn hóa về thành phần hồ sơ, các bước thực hiện trong quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường trách nhiệm cá nhân trong quá trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục TTHC và quy trình nội bộ, quy trình liên thông giải quyết TTHC. Công khai TTHC, địa chỉ tiếp nhận và kết quả xử lý phản ánh kiến nghị; tiến độ, kết quả giải quyết TTHC; kết quả đánh giá việc giải quyết hồ sơ TTHC của các chi cục trên Trang thông tin điện tử của Sở, chi cục và Cổng dịch vụ công Thành phố.

- Thực hiện các TTHC của ngành có đủ điều kiện, phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt trên 60%. TTHC của ngành có đủ điều kiện, phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt trên 60% và tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 80% trở lên.

- Khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện TTHC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện; đảm bảo hiệu quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (bưu điện).

- Thực hiện đồng bộ và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Sở và các chi cục trong giải quyết hồ sơ TTHC.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn đạt 100% trong từng lĩnh vực, trong đó có trên 80% hồ sơ TTHC giải quyết trước hạn.

- Thực hiện thư xin lỗi người dân, doanh nghiệp đối với các trường hợp giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn (nếu có).

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, giải quyết hồ sơ TTHC; phê bình, kiểm điểm thủ trưởng các phòng ban, đơn vị không giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định.

- Thực hiện và đánh giá việc giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất và chuyên đề về kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các chi cục; kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; đánh giá việc giải quyết TTHC; tổ chức triển khai thực hiện các quy trình nội bộ, quy trình liên thông đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; cung cấp dịch vụ công trực tuyến tuân thủ quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Cải cách chế độ họp theo quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính Nhà nước.

5. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

a) Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phòng ban, đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy các phòng ban, chi cục theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm

2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức để giảm số biên chế cho phù hợp với số biên chế do Ủy ban nhân dân Thành phố giao; thực hiện việc giao biên chế định kỳ hàng năm cho phòng ban, đơn vị phù hợp với vị trí việc làm của từng phòng ban, đơn vị theo Nghị định 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Thực hiện công tác ủy quyền, phân cấp:

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn.

- Thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền: tiếp nhận và giải quyết TTHC lĩnh vực thủy lợi; nâng lương trước hạn và theo niên hạn cho công chức, viên chức; giải quyết cho công chức, viên chức đi nước ngoài; tổ chức sát hạch viên chức sang công chức và xét tuyển viên chức.

- Tiếp tục tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực kiểm lâm, chăn nuôi và thú y.

- Thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực cho các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

c) Thường xuyên kiểm tra về công tác tổ chức bộ máy các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh những việc thực hiện chưa tốt và đúng quy định.

6. Cải cách chế độ công vụ

a) Công tác quản lý và sử dụng công chức, viên chức:

- Đảm bảo 100% cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch, đề án và theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP¹ ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

¹ Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

- Thực hiện Đề án thi tuyển chức danh lãnh đạo phòng ban, đơn vị trực thuộc (sau khi được Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề án toàn Thành phố).

- Thực hiện thường xuyên cập nhật, bổ sung đề án vị trí việc làm của các phòng ban, đơn vị trực thuộc đã được phê duyệt; đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

- Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của ngành; cử tham dự đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu về quản lý Nhà nước, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định về tiêu chuẩn chức danh, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý đương nhiệm và nguồn trong quy hoạch.

- Rà soát, đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm để củng cố, kiện toàn bộ máy, đảm bảo công chức, viên chức làm việc trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng phải thực sự liêm chính, có đạo đức, phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tính chiến đấu cao.

b) Công tác sát hạch, xét tuyển viên chức và xây dựng văn hóa công vụ trong đội ngũ công chức, viên chức:

- Tổ chức xét tuyển viên chức theo đúng kế hoạch và quy định pháp luật; đồng thời tiếp tục thực hiện công tác sát hạch viên chức sang công chức tại các chi cục.

- Triển khai thực hiện quy định về chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học về công tác tại Trung tâm Công nghệ sinh học.

- Thường xuyên rà soát ban hành, điều chỉnh sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế làm việc phù hợp với hoạt động của từng phòng ban, đơn vị.

- Phát động phong trào thi đua thực hiện văn hóa công vụ đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động toàn ngành; đưa nội dung thực hiện văn hóa công vụ vào các tiêu chí bình xét thi đua của từng phòng ban, đơn vị. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong thực hiện văn hóa công vụ; xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm quy định hoặc thực hiện chưa tốt văn hóa công vụ.

c) Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm, phục vụ nhân dân và đạo đức công vụ của công chức, viên chức:

- Thực hiện công tác thanh, kiểm tra công tác xét tuyển viên chức, bổ nhiệm và sử dụng công chức, viên chức; tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân sai phạm.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành đối với các lĩnh vực như: quản lý an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất, cơ sở giết mổ công nghiệp, cơ sở sản xuất – mua bán giống, vật tư, thức ăn, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và thuốc trong nuôi trồng thủy sản.

7. Công tác cải cách tài chính công

a) Thực hiện nghiêm và đúng các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính:

- Thực hiện giao dự toán và hướng dẫn đơn vị thực hiện đúng quy định.

- Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

- Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

b) Công tác tài chính, ngân sách:

- Thực hiện giải ngân vốn từ ngân sách Nhà nước đạt trên 90%.

- Kịp thời triển khai các giải pháp để thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách.

- 100% đơn vị trực thuộc xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại các đơn vị.

c) Kinh phí thực hiện và trang bị cơ sở vật chất, thiết bị để đảm bảo thực hiện công tác CCHC:

- Kinh phí thực hiện công tác CCHC được các cấp có thẩm quyền bố trí, giao trong dự toán ngân sách hàng năm của từng đơn vị.

- Đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị tại Bộ phận một cửa tại Sở và các chi cục, nhằm giải quyết nhu cầu chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi đến liên hệ công tác, giải quyết hồ sơ TTHC.

8. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục đảm bảo 100% công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử Thành phố để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ từng phòng ban, đơn vị.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng chữ ký số tại Sở và các đơn vị trực thuộc nhằm bảo đảm tính pháp lý của văn bản trao đổi và an toàn, an ninh thông tin để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ từng đơn vị; ứng dụng chữ ký số đối với việc gửi, nhận văn bản điện tử trên các thiết bị di động thông minh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của ngành; trong phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị trực thuộc, nhất là

trong phục vụ người dân, doanh nghiệp và mở rộng việc sử dụng trên nền tảng điện thoại thông minh.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các phần mềm của Trung ương, Thành phố cung cấp. Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại Sở và các đơn vị trực thuộc, kết nối với trực liên thông văn bản Thành phố và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan Nhà nước để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử.

- Tiếp tục thực hiện các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thuộc Đề án xây dựng Thành phố trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Thực hiện Chương trình chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện Cổng dịch vụ công Thành phố, Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử gắn với đánh giá hài lòng trong giải quyết hồ sơ TTHC.

- Khuyến khích người dân, doanh nghiệp thanh toán điện tử phí, lệ phí trong giải quyết hồ sơ TTHC (nếu có).

- Tiếp tục ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và ISO điện tử vào giải quyết hồ sơ TTHC.

- Chủ động đề xuất các cấp có thẩm quyền chấp thuận và triển khai thực hiện sửa chữa trụ sở làm việc của Sở và các đơn vị trực thuộc. Tiếp tục bố trí phương tiện làm việc cho đội ngũ công chức, viên chức tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của ngành.

9. Thực hiện công tác điều tra xã hội học phục vụ Chỉ số CCHC (PAR Index) của Thành phố và ngành; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) và các điều tra xã hội học do Thành phố triển khai thực hiện.

- Chủ động tuyên truyền kết quả thực hiện công tác CCHC một cách có hiệu quả để người dân, doanh nghiệp hiểu đúng về kết quả thực hiện công tác CCHC của Thành phố và ngành.

- Đảm bảo đầy đủ thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp khi đến thực hiện hồ sơ TTHC trên giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo các mẫu được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Tiếp tục tổ chức khảo sát (bằng phiếu), đánh giá hài lòng khi người dân, doanh nghiệp khi đến nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC.

- Tiếp tục triển khai giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC của Thành phố và ngành theo Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục phối hợp cung cấp danh sách doanh nghiệp cho Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam Thành phố thực hiện công tác điều tra xã hội học về Chỉ số CCHC của Thành phố và ngành hàng năm. Phối hợp với Bureau Điện Thành phố, Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố thực hiện công tác điều tra xã hội học Chỉ số CCHC của Thành phố và ngành.

- Đảm bảo trong quá trình điều tra xã hội học phục vụ Chỉ số CCHC của Thành phố và của ngành một cách khách quan, khoa học, phản ánh đúng kết quả thực hiện CCHC của Thành phố và ngành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Ban Quản lý dự án Chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch để thực hiện; đánh giá và lấy hiệu quả công tác CCHC để làm điều kiện bình xét thi đua, khen thưởng; chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Sở, Ban Giám đốc Sở về kết quả thực hiện công tác CCHC trong phạm vi quản lý của đơn vị.

- Chủ động tham mưu Sở thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án xác định Chỉ số CCHC của Thành phố và ngành; căn cứ vào kết quả đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm của ngành và đơn vị để rà soát những nội dung liên quan đến đơn vị và chủ động đề ra những giải pháp khắc phục Chỉ số CCHC của ngành và đơn vị.

- Định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình cải cách hành chính gửi về Sở (thông qua Văn phòng) theo đúng thời gian quy định.

2. Các phòng ban Sở

a) Văn phòng:

- Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính hàng năm để triển khai thực hiện trong phạm vi Sở.

- Chủ trì, tham mưu thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; cải cách thể chế, cải cách TTHC, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Tham mưu theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, khảo sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo và kiến nghị Ban Giám đốc Sở các giải pháp bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác CCHC.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình cải cách hành chính của Sở, gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ theo đúng thời gian quy định.

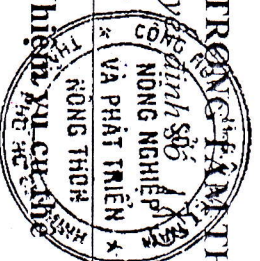
b) Phòng Tổ chức Cán bộ chủ trì, phối hợp Văn phòng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, cải cách chế độ công vụ.

c) Phòng Kế hoạch Tài chính chủ trì, phối hợp Văn phòng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác cải cách tài chính công.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, đề nghị các phòng ban, đơn vị có văn bản gửi về Sở (thông qua Văn phòng) để tổng hợp, trình Giám đốc Sở xem xét, quyết định./.

Phụ lục

NHIỆM VỤ TRỌNG ĐÀM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quy chế định số 1/2021/QĐ-SNN ngày 5 tháng 5 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|---|--|------------|----------------|----------------------------------|----------------------------|
| I CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH VÀ TRUYỀN THÔNG | | | | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính (viết tắt CCHC) hàng năm | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Trước 15 tháng 01 hàng năm |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch và thành lập Đoàn Kiểm tra công tác CCHC hàng năm | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý I hàng năm |
| 3 | Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ công chức, viên chức làm công tác CCHC, tại các phòng ban, đơn vị giai đoạn 2021 - 2025 | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý III năm 2021 |
| 4 | Xây dựng Kế hoạch truyền thông công tác CCHC giai đoạn 2021 - 2025 | Quyết định | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý III năm 2021 |
| 5 | Xây dựng Kế hoạch truyền thông công tác CCHC hàng năm | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Trước 15 tháng 02 hàng năm |
| 6 | Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án xác định Chỉ số CCHC của Sở và các đơn vị giai đoạn 2021 - 2025 | Quyết định | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý III năm 2021 |
| 7 | Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua CCHC | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý II hàng năm |
| 8 | Khen thưởng phong trào thi đua CCHC | Quyết định | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý I hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|--|-----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| 9 | Xây dựng Kế hoạch và triển khai đánh giá Chỉ số CCHC của Sở và các đơn vị hàng năm | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Trước 30 tháng 12 hàng năm |
| 10 | Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tổng kết công tác CCHC hàng năm | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý I hàng năm |
| 11 | Báo cáo kết quả công tác CCHC phục vụ Đoàn Kiểm tra Trung ương | Báo cáo | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý II hàng năm |
| 12 | Báo cáo kết quả công tác CCHC phục vụ Đoàn Kiểm tra Thành phố | Báo cáo | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Quý III hàng năm |
| 13 | Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn công tác CCHC, soạn thảo văn bản hành chính | Kế hoạch | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 14 | Kiểm toàn Ban Chi đạo và Tổ thực hiện công tác CCHC (nếu có thay đổi) | Quyết định | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 15 | Mở rộng chuyên mục trên Trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị để tuyên truyền, phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp liên quan về công tác CCHC | Tin, bài | Văn phòng | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Hàng tháng |
| II | CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ HÀNH CHÍNH | | | | |
| 1 | Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của ngành | Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND Thành phố | Các đơn vị trực thuộc | Văn phòng | Hàng năm |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch và kiểm tra công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | Kế hoạch | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|---|--|--|----------------|------------------------|----------------------|
| 3 | Xây dựng Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | Kế hoạch | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Tháng 01 hàng năm |
| 4 | Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | Báo cáo | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 5 | Xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật | Kế hoạch | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Tháng 01 hàng năm |
| 6 | Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật | Báo cáo | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| III CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | | | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch công tác rà soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính (viết tắt TTHC) | Kế hoạch | Văn phòng | Các chi cục trực thuộc | Hàng năm |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính | Báo cáo | Văn phòng | Các chi cục trực thuộc | Hàng năm |
| 3 | Xây dựng Kế hoạch và kiểm tra công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính | Kế hoạch | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 4 | Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách TTHC và giải quyết TTHC | - Sáng kiến, giải pháp - Hồ sơ thủ tục hành chính | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| 5 | Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ | Sản phẩm theo Kế hoạch cụ thể | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--|----------------|-----------------|----------------------|
| 6 | Tổ chức thực hiện thu tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ | Sản phẩm theo Kế hoạch cụ thể | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| 7 | Tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa, chuẩn hóa về thành phần hồ sơ, các bước thực hiện trong quy trình giải quyết TTHC | Sản phẩm theo Kế hoạch cụ thể | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| 8 | Tham mưu trình công bố danh mục và quy trình nội bộ, quy trình liên thông giải quyết TTHC | Quyết định của UBND Thành phố | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| 9 | Công khai TTHC; địa chỉ tiếp nhận và kết quả xử lý phản ánh kiến nghị; tiến độ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC | Danh mục TTHC, tiến độ | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| | | Tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC | Các chi cục | Văn phòng | |
| 10 | Rà soát đưa các TTHC của ngành vào thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt trên 60%. | Quyết định của UBND Thành phố | Văn phòng | Các chi cục | Hàng năm |
| 11 | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC đúng hạn đạt 100% trong từng lĩnh vực, trong đó có trên 80% hồ sơ giải quyết TTHC trước hạn | Báo cáo kết quả | Văn phòng | Các chi cục | Hàng năm |
| 12 | Tỷ lệ giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt trên 90% và thanh toán phí, lệ phí bằng nhiều phương tiện; đảm bảo hiệu quả tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu điện | Thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch đã đề ra | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|-----------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| 13 | Thực hiện xin lỗi người dân, doanh nghiệp đối với các trường hợp hồ sơ trễ hạn do lỗi của cơ quan hành chính Nhà nước (nếu có) | Văn bản trả lời | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| 14 | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công Thành phố | Văn bản trả lời | Các chi cục | Văn phòng | Hàng năm |
| 15 | Tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố. | Báo cáo kết quả | Văn phòng | Các chi cục | Hàng năm |
| 16 | Kiểm toàn về nhân sự và năng cao chất lượng tham mưu công tác kiểm soát TTHC của cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC Sở và các chi cục | Văn bản | Văn phòng | Các chi cục | Hàng năm |
| 17 | Báo cáo chế độ hợp trong cơ quan hành chính Nhà nước | Báo cáo | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| IV | CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC | | | | |
| 1 | Rà soát, kiểm toàn các phòng ban, chi cục theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ | Quyết định | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Năm 2021 - 2022 |
| 2 | Rà soát, kiểm toàn các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ | Quyết định | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Năm 2021 - 2022 |
| 3 | Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động các phòng ban, đơn vị nhằm nâng cao hiệu lực, | Quyết định | Phòng Tổ chức | Các đơn vị trực | Năm 2021 - 2022 |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|------------|--|----------------------------------|----------------------|
| | hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp với lĩnh vực quản lý, điều hành | | Cán bộ | thuộc | |
| 4 | Thực hiện các nhiệm vụ phân cấp quản lý Nhà nước của ngành | Báo cáo | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 5 | Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền như nâng lương, xét tuyển viên chức, giải quyết thủ tục hành chính | Quyết định | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 6 | Thực hiện thanh, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế hiện có tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Báo cáo | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các phòng ban, đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 7 | Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực kiểm lâm, chăn nuôi và thú y | Văn bản | Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Chăn nuôi và Thú y | Văn phòng, Phòng Tổ chức Cán bộ | Hàng năm |
| V | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ | | | | |
| 1 | Thực hiện đề án vị trí việc làm gắn với tinh giản biên chế theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ | Văn bản | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 2 | Phát động phong trào thi đua thực hiện văn hóa công vụ gắn với tiêu chí bình xét thi đua của đơn vị | Kế hoạch | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 3 | Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công | Kế hoạch | Phòng Tổ chức | Các đơn vị trực | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành | |
|-----------|--|------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|----------|
| | chức, viên chức phụ hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của ngành | | Cán bộ | thuộc | | |
| 4 | Rà soát, đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm để tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy tại các phòng ban, đơn vị | Văn bản | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm | |
| 5 | Tổ chức sát hạch viên chức sang công chức theo đúng quy định | Kế hoạch | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm | |
| 6 | Tổ chức xét tuyển viên chức theo đúng kế hoạch và quy định pháp luật | Kế hoạch | Các đơn vị sự nghiệp | Phòng Tổ chức Cán bộ | Hàng năm | |
| 7 | Thực hiện quy định về chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại Trung tâm Công nghệ sinh học | Văn bản | Trung tâm Công nghệ sinh học | Phòng Tổ chức Cán bộ | Hàng năm | |
| 8 | Kiểm tra, giám sát, thanh tra công vụ công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ trong các lĩnh vực như: quản lý an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất, cơ sở giết mổ công nghiệp, cơ sở sản xuất – mua bán giống, vật tư... | Kế hoạch | Phòng Tổ chức Cán bộ | Các chi cục trực thuộc | Hàng năm | |
| VI | CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | | | |
| 1 | Thực hiện giao dự toán và hướng dẫn đơn vị thực hiện đúng quy định | Quyết định | Phòng hoạch chính | Kế Tài | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 2 | Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng, biến chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày | Báo cáo | Phòng hoạch chính | Kế Tài | Các đơn vị hành chính | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|----------------|-----------------------------------|--------------------------|----------------------|
| | 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ | | | | |
| 3 | Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ | Báo cáo | Phòng hoạch chính Kế Tài chính | Các đơn vị sự nghiệp | Hàng năm |
| 4 | Thực hiện giải ngân vốn từ ngân sách Nhà nước đạt trên 90% | Báo cáo | Phòng hoạch chính Kế Tài | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 5 | Kịp thời triển khai các giải pháp để thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách | Báo cáo | Phòng hoạch chính Kế Tài | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 6 | 100% đơn vị trực thuộc xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại các đơn vị | Quy chế | Các đơn vị trực thuộc | Phòng Kế hoạch Tài chính | Hàng năm |
| 7 | Đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị tại Bộ phận một cửa tại Sở và các chi cục, nhằm giải quyết nhu cầu chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi đến liên hệ công tác, giải quyết hồ sơ TTHC | Trang thiết bị | Các đơn vị trực thuộc | Phòng Kế hoạch Tài chính | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| VII XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ | | | | | |
| 1 | 100% công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử Thành phố để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ từng phòng ban, đơn vị | Báo cáo | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 2 | Đẩy mạnh việc ứng dụng chữ ký số tại Sở và các đơn vị trực thuộc nhằm bảo đảm tính pháp lý của văn bản trao đổi và an toàn, an ninh thông tin để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ từng đơn vị | Văn bản | Các đơn vị trực thuộc | Văn phòng | Hàng năm |
| 3 | Tiếp tục thực hiện hiệu quả các phần mềm của Trung ương, Thành phố cung cấp. Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại Sở và các đơn vị trực thuộc, kết nối với trực liên thông văn bản Thành phố | Phần mềm | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 4 | Tiếp tục thực hiện các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thuộc Đề án xây dựng Thành phố trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 | Phần mềm | Các đơn vị trực thuộc | Văn phòng | Hàng năm |
| 5 | Thực hiện Chương trình chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 – 2025 | Kế hoạch | Văn phòng | Các đơn vị trực thuộc | Hàng năm |
| 6 | Tiếp tục thực hiện Công dịch vụ công Thành | Hồ sơ thủ tục | Văn phòng | Các chi cục trực | Hàng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể | Sản phẩm | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|------------|------------------------|-----------------|----------------------|
| | phổ, Công dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử gắn với đánh giá hài lòng trong giải quyết hồ sơ TTHC | hành chính | | thuộc | |
| 7 | Tiếp tục ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và ISO điện tử vào giải quyết hồ sơ TTHC | Quy trình | Các chi cục trực thuộc | Văn phòng | Hàng năm |
| 8 | Khuyến khích người dân, doanh nghiệp thanh toán điện tử phí, lệ phí trong giải quyết hồ sơ TTHC (nếu có) | Văn bản | Các chi cục trực thuộc | Văn phòng | Hàng năm |